

TRƯỜNG SĨ QUAN THÔNG TIN
TRUNG TÂM GDQP&AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 8 năm 2022

DANH SÁCH ĐIỂM MÔN HỌC GDQP&AN
Sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang
(Khóa học từ: 07/08-24/8/2023)

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Lớp	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi Sinh	HỌC PHẦN 1	HỌC PHẦN 2	HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	ĐIỂM MÔN HỌC	XẾP LOẠI
									ĐIỂM TỔNG	ĐIỂM TỔNG	TỔNG	TỔNG		
1	2272010001	Bùi Như	Ái	Nữ	M27A	Kinh	10/02;2004	Phú Yên	7.9	7.2	8.1	7.3	7.6	Khá
2	2272010002	Lê Nguyễn Hồng	Ân	Nữ	M27A	Kinh	01/09;2004	Đắk Nông	7.0	7.3	7.4	6.2	7.0	Khá
3	2272010011	Nay H'	Chai	Nữ	M27A	Drai	24/08;2004	Gia Lai	7.6	6.9	7.4	5.9	6.9	TBK
4	2272010018	Mai Thị Thu	Chung	Nữ	M27A	Kinh	10/02;2001	Ninh Thuận	8.0	7.2	8.1	7.4	7.7	Khá
5	2272010026	Hồ	Diên	Nữ	M27A	Chăm	10/01;2003	Phú Yên	7.1	7.3	7.1	7.2	7.2	Khá
6	2272010037	Trần Ngọc Nhân	Duyên	Nữ	M27A	Kinh	27/03;2004	Khánh Hòa	7.3	6.9	7.4	6.7	7.1	Khá
7	2272010045	Trịnh Bảo	Hân	Nữ	M27A	Kinh	01/06;2004	Kon Tum	7.5	7.0	8.1	7.4	7.5	Khá
8	2272010047	Tô Thị Mỹ	Hằng	Nữ	M27A	Kinh	04/08;2004	Khánh Hòa	7.0	6.9	8.1	7.6	7.4	Khá
9	2272010057	Dương Thị Liên	Hoa	Nữ	M27A	Chăm	26/09;2004	Ninh Thuận	7.5	7.0	8.1	6.1	7.2	Khá
11	2272010068	Trần Thị Sông	Hương	Nữ	M27A	Kinh	02/04;2004	Khánh Hòa	6.7	7.0	7.9	7.1	7.2	Khá
12	2272010071	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	M27A	Kinh	17/08;2004	Phú Yên	7.1	6.9	7.9	8.6	7.6	Khá
13	2272010076	Lưu Nhã	Khuyên	Nữ	M27A	Chăm	06/11;2004	Ninh Thuận	6.8	7.0	8.2	7.2	7.3	Khá
14	2272010080	Trần Thị Phương	Lam	Nữ	M27A	Kinh	19/07;2004	Khánh Hòa	7.3	7.5	7.9	7.2	7.5	Khá
15	2272010085	Trần Phạm Mỹ	Lệ	Nữ	M27A	Kinh	02/02;2004	Phú Yên	7.3	6.8	7.6	7.3	7.3	Khá
16	2272010092	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	M27A	Kinh	07/02;2004	Khánh Hoà	6.7	6.8	7.6	7.8	7.2	Khá
17	2272010098	Lý Hồng	Lợi	Nữ	M27A	Kinh	20/12;2003	Bình Định	7.1	7.0	7.6	7.3	7.2	Khá
18	2272010107	Cao Thị Tuyết	Mai	Nữ	M27A	Raglay	05/11;2004	Khánh Hòa	7.6	7.3	7.6	7.3	7.5	Khá
19	2272010116	Nguyễn Trà	My	Nữ	M27A	Kinh	10/10;2004	Bình Định	7.6	7.0	7.6	6.6	7.2	Khá
20	2272010117	Đặng Thị Chi	Na	Nữ	M27A	Kinh	15/10;2004	Khánh Hòa	7.4	6.9	7.6	7.3	7.3	Khá
21	2272010122	Nguyễn Hoàng Cẩm	Ngân	Nữ	M27A	Kinh	26/01;2004	Phú Yên	7.5	6.9	7.7	6.1	7.1	Khá
22	2272010125	Trần Thanh	Ngân	Nữ	M27A	Kinh	15/06;2004	Khánh Hoà	6.8	7.0	7.7	6.5	7.0	Khá
23	2272010133	Lê Thị Thảo	Nguyên	Nữ	M27A	Kinh	08/12;2004	Gia Lai	7.0	7.3	7.7	6.3	7.1	Khá
24	2272010135	Nguyễn Thị Khánh	Nguyên	Nữ	M27A	Kinh	12/05;2004	Quảng Bình	6.9	7.3	7.4	7.3	7.2	Khá
25	2272010143	Hà Lê Uyên	Nhi	Nữ	M27A	Kinh	14/12;2004	Khánh Hoà	7.6	7.5	7.7	8.4	7.8	Khá
26	2272010152	Nguyễn Lê Uyên	Nhi	Nữ	M27A	Kinh	10/09;2003	Ninh Thuận	7.2	7.0	7.7	6.3	7.0	Khá
27	2272010153	Nguyễn Lê Yến	Nhi	Nữ	M27A	Kinh	19/08;2004	Khánh Hoà	7.5	7.0	7.4	7.0	7.2	Khá

28	2272010165	Huỳnh Thị Mai	Như	Nữ	M27A	Kinh	12/03/2004	Phú Yên	7.0	7.0	7.2	7.4	7.2	Khá
29	2272010166	Huỳnh Thụy Minh	Như	Nữ	M27A	Kinh	23/09/2004	Khánh Hoà	6.8	7.6	7.7	8.5	7.6	Khá
30	2272010172	Trần Thị Mỹ	Nương	Nữ	M27A	Kinh	23/01/2004	Phú Yên	6.6	6.9	7.7	6.6	7.0	Khá
31	2272010174	Ngô Thị Kim	Phấn	Nữ	M27A	Kinh	10/01/2004	Khánh Hoà	6.9	7.3	8.1	6.2	7.1	Khá
32	2272010078	Nguyễn Thị kim	Phương	Nữ	M27A	Kinh	05/12/1998	Khánh Hoà	7.1	7.0	7.7	6.3	7.0	Khá
33	2272010182	Trương Thị Thanh	Phương	Nữ	M27A	Kinh	09/11/2004	Phú Yên	7.2	7.0	8.1	7.9	7.5	Khá
34	2272010184	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	M27A	Kinh	26/04/2003	Đăk lăk	6.5	7.0	7.4	8.3	7.3	Khá
35	2272010192	Nguyễn Ánh Khánh	Quỳnh	Nữ	M27A	Kinh	23/09/2004	Khánh Hoà	7.1	6.8	8.3	8.2	7.6	Khá
36	2272010199	Nguyễn Thị Ngọc	Tâm	Nữ	M27A	Kinh	29/11/2004	Khánh Hòa	6.8	7.1	7.4	6.1	6.9	TBK
37	2272010208	Huỳnh Phương	Thảo	Nữ	M27A	Kinh	25/09/2004	Phú Yên	7.4	7.0	7.1	6.5	7.0	Khá
38	2272010209	Ngô Trần Phương	Thảo	Nữ	M27A	Kinh	30/06/2004	Bình Định	7.1	6.9	7.7	7.3	7.3	Khá
39	2272010219	Lưu Minh	Thuận	Nữ	M27A	Kinh	08/02/2004	Khánh Hòa	7.4	7.0	7.7	6.3	7.1	Khá
40	2272010220	K'	Thương	Nữ	M27A	K ho	08/04/2004	Lâm Đồng	7.6	7.5	7.7	7.6	7.6	Khá
41	2272010225	Đỗ Thị Thanh	Thùy	Nữ	M27A	Kinh	04/06/2004	Khánh Hòa	7.1	6.9	7.4	6.9	7.1	Khá
42	2272010228	Cao Thị Thu	Thủy	Nữ	M27A	Raglay	20/08/2004	Khánh Hòa	6.7	7.3	7.1	7.2	7.1	Khá
43	2272010238	Hồ Bảo	Trần	Nữ	M27A	Kinh	11/03/2004	Khánh Hòa	7.2	7.2	7.1	7.6	7.3	Khá
44	2272010247	Phạm Thùy	Trang	Nữ	M27A	Kinh	08/11/2003	Đăk lăk	7.1	7.0	7.4	6.6	7.0	Khá
45	2272010258	Thái Vân	Trúc	Nữ	M27A	Kinh	11/03/2004	Khánh Hoà	6.4	7.0	8.1	7.3	7.2	Khá
46	2272010266	Lưu Thị Khánh	Uyên	Nữ	M27A	Kinh	23/10/2003	Ninh Thuận	7.5	7.0	7.7	6.6	7.2	Khá
47	2272010269	Nguyễn Lê Khả	Vân	Nữ	M27A	Kinh	06/03/2004	Khánh Hoà	6.9	6.9	7.7	6.4	7.0	Khá
48	2272010275	Bùi Thị Ngọc	Vy	Nữ	M27A	Kinh	08/04/2004	Khánh Hoà	7.1	7.3	7.7	6.3	7.1	Khá
49	2272010281	Nguyễn Thị	Vy	Nữ	M27A	Kinh	28/11/2004	Khánh Hoà	7.6	7.5	7.7	6.3	7.3	Khá
50		Tạ Yên Thị	Vâng	Nữ	M25B		31/12/2001	Ninh Thuận	6.3	7.0	7.7	7.2	7.0	Khá
51	2272010291	Ran Lan H'	An	Nữ	M27B	Jrai	24/01/2004	Gia Lai	7.1	6.9	7.1	6.3	6.8	TBK
52	2272010003	Hà Nguyễn Kim	Anh	Nữ	M27B	Kinh	04/08/2004	Khánh Hoà	7.3	7.0	7.7	7.2	7.3	Khá
54	2272010008	Pi Năng Ly Sa	Ben	Nữ	M27B	Racglai	01/01/2003	Khánh Hòa	6.5	7.0	7.7	6.1	6.8	TBK
55	2272010019	Cao Thị	Chuyển	Nữ	M27B	Racglai	20/01/2004	Khánh Hòa	7.2	6.9	7.7	7.0	7.2	Khá
56	2272010027	Trần Nguyễn Kiều	Diễn	Nữ	M27B	Kinh	14/07/2004	Phú Yên	7.6	7.3	7.4	6.6	7.2	Khá
57	2272010028	Ngô Thị Xuân	Doanh	Nữ	M27B	Kinh	21/03/2004	Bình Thuận	6.5	6.9	7.4	7.8	7.2	Khá
58	2272010038	Vương Ngọc Phúc	Duyên	Nữ	M27B	Kinh	31/12/2004	Ninh Thuận	7.6	7.2	7.4	8.2	7.6	Khá
59	2272010293	Lê Thị Thùy	Giang	Nữ	M27B	Kinh	21/4/2004	Kon Tum	6.9	7.2	7.1	6.5	6.9	TBK
60	2272010048	Nguyễn Đăng Hồng	Hạnh	Nữ	M27B	Kinh	23/08/2004	Khánh Hòa	5.9	6.9	7.4	7.9	7.0	Khá
61	2272010058	Thái Thị Thanh	Hoa	Nữ	M27B	Kinh	14/09/2004	Khánh Hòa	6.5	6.9	7.6	6.8	6.9	TBK
62	2272010060	Mẫu Thị Kim	Hoài	Nữ	M27B	Racglay	01/07/2004	Khánh Hòa	7.4	7.0	7.6	7.8	7.5	Khá
63	2272010062	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	M27B	Kinh	12/09/2004	Hà Tĩnh	6.3	6.9	7.6	6.2	6.7	TBK
64	2272010069	Ngô Mỹ	Huyền	Nữ	M27B	Kinh	31/10/2004	Bình Thuận	7.1	7.0	7.3	7.6	7.3	Khá

65	2272010077	Trần Thị	Kiều	Nữ	M27B	Kinh	24/04/2004	Quảng Ngãi	6.6	6.9	6.7	6.4	6.6	TBK
66	2272010029	Huỳnh Thanh	Lam	Nữ	M27B	Kinh	07/03/2004	Khánh Hoà	7.1	6.9	7.3	7.6	7.2	Khá
67	2272010086	Trần Thị Mỹ	Lệ	Nữ	M27B	Kinh	16/01/2004	Khánh Hoà	7.4	7.0	7.3	6.4	7.0	Khá
68	2272010094	Trần Hoàng Yến	Linh	Nữ	M27B	Kinh	09/04/2004	Ninh Thuận	6.5	7.0	7.6	6.8	7.0	Khá
69	2272010099	Nguyễn Thị Kim	Lợi	Nữ	M27B	Kinh	23/09/2004	Ninh Thuận	7.6	7.0	8.2	7.0	7.5	Khá
70	2272010100	Phạm Thu	Lợi	Nữ	M27B	Kinh	15/04/2004	Phú Yên	6.8	7.2	7.6	6.5	7.1	Khá
71	2272010108	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	M27B	Kinh	27/05/2004	Khánh Hoà	6.6	6.8	6.8	7.8	7.0	Khá
72	2272010118	Phùng Thị Thủy	Nga	Nữ	M27B	Kinh	03/06/2004	Đăk lăk	6.7	6.9	7.7	7.5	7.2	Khá
73	2272010123	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	M27B	Kinh	04/06/2004	Khánh Hòa	6.8	6.7	7.4	7.6	7.1	Khá
74	2272010126	Trần Thị Thanh	Ngân	Nữ	M27B	Kinh	01/01/2004	Khánh Hòa	6.2	7.2	7.7	7.0	7.0	Khá
75	2272010145	Hán Ngọc Uyên	Nhi	Nữ	M27B	Chăm	26/03/2003	Ninh Thuận	7.3	7.2	7.7	7.6	7.4	Khá
76	2272010155	Nguyễn Thị Linh	Nhi	Nữ	M27B	Kinh	21/06/2004	Khánh Hoà	8.0	6.7	8.2	7.3	7.6	Khá
77	2272010168	Phạm Thị Uyển	Như	Nữ	M27B	Kinh	20/10/2004	Phú Yên	7.6	6.9	8.2	5.9	7.1	Khá
78	2272010176	Huỳnh Anh	Phúc	Nữ	M27B	Kinh	12/10/2004	Khánh Hòa	6.5	6.8	7.7	6.3	6.8	TBK
79	2272010183	Võ Thị Kim	Phương	Nữ	M27B	Kinh	20/01/2004	Khánh Hòa	7.3	7.0	7.7	5.6	6.9	TBK
80	2272010186	Cao Nguyễn Phương	Quanh	Nữ	M27B	Kinh	02/12/2004	Khánh Hòa	7.0	7.2	7.4	8.1	7.4	Khá
81	2272010191	Lê Nguyễn Thủy	Quỳnh	Nữ	M27B	Kinh	25/11/2003	Khánh Hòa	7.3	7.0	7.7	7.6	7.4	Khá
82	2272010193	Phan Nhật	Quỳnh	Nữ	M27B	Kinh	19/09/2001	Khánh Hòa	7.4	7.2	7.7	7.1	7.3	Khá
83	2272010200	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	M27B	Kinh	18/10/2004	Khánh Hòa	7.5	7.2	7.4	7.6	7.4	Khá
84	2272010210	Nguyễn Hồng	Thảo	Nữ	M27B	Kinh	14/07/2004	Phú Yên	6.2	6.9	7.4	6.5	6.7	TBK
85	2272010221	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	M27B	Kinh	18/12/2003	Khánh Hòa	7.3	6.9	7.7	7.2	7.3	Khá
86	2272010231	Nguyễn Trần Thủy	Tiên	Nữ	M27B	Kinh	01/11/2004	Phú Yên	7.2	6.9	7.4	6.5	7.0	Khá
87	2272010127	Ma	Tiến	Nữ	M27B	Churu	15/01/2004	Lâm Đồng	7.3	7.0	7.7	7.6	7.4	Khá
88	2272010232	Lương Thị Kim	Tiền	Nữ	M27B	Kinh	04/06/2004	Khánh Hòa	7.0	7.0	7.4	7.8	7.3	Khá
89	2272010239	Lê Mỹ	Trân	Nữ	M27B	Kinh	10/06/2004	Khánh Hòa	7.4	6.9	7.7	6.6	7.2	Khá
90	2272010249	Võ Lê Thùy	Trang	Nữ	M27B	Kinh	03/08/2004	Phú Yên	6.9	7.2	7.4	6.1	6.9	TBK
91	2272010253	Nguyễn Ngọc Bảo	Trình	Nữ	M27B	Kinh	16/11/2004	Khánh Hòa	6.1	7.0	7.6	5.4	6.5	TBK
92	2272010255	Phan Nguyễn Mai	Trình	Nữ	M27B	Kinh	16/01/2004	Khánh Hòa	6.6	7.2	7.6	7.7	7.3	Khá
93	2272010256	Bùi Trần Thanh	Trúc	Nữ	M27B	Kinh	05/08/2001	Khánh Hòa	7.8	7.0	7.9	7.4	7.5	Khá
94	2272010259	Trần Thanh	Trúc	Nữ	M27B	Kinh	10/05/2002	Khánh Hòa	7.6	6.8	7.9	6.5	7.2	Khá
95	2272010265	Lê Hồng	Uyên	Nữ	M27B	Kinh	17/02/2004	Lâm Đồng	7.3	6.8	7.9	7.7	7.4	Khá
96	2272010270	Nguyễn Ngọc Bích	Vân	Nữ	M27B	Kinh	05/07/2004	Khánh Hòa	7.8	6.8	7.6	6.0	7.1	Khá
97	2272010292	Vũ Thị Hải	Vân	Nữ	M27B	Kinh	23/06/2004	Kon Tum	7.0	7.5	7.6	6.7	7.2	Khá
99	2272010283	Phan Thị Khả	Vy	Nữ	M27B	Kinh	29/02/2004	Phú Yên	7.2	7.6	6.7	8.5	7.5	Khá
100	2272010290	Đào Thị Ngọc	Yến	Nữ	M27B	Kinh	07/07/2000	Khánh Hòa	6.8	7.0	7.6	6.1	6.9	TBK

101	2272010004	KoJong Prong Nai	Anh	Nữ	M27C	Churu	07/08/2004	Lâm Đồng	7.4	6.9	7.6	5.8	6.9	TBK
102	2272010022	Chamaléa Thị	Cám	Nữ	M27C	Raglai	09/09/2004	Ninh Thuận	7.2	7.0	7.6	5.9	6.9	TBK
103	2272010013	Lê Thị	Chi	Nữ	M27C	Kinh	07/09/2004	Đắk Lắk	6.9	7.3	7.3	7.9	7.3	Khá
104	2272010020	Hờ	Đam	Nữ	M27C	H'roi	14/07/2004	Phú Yên	6.8	7.0	7.6	8.0	7.3	Khá
105	2272010025	Phạm Thùy	Diễm	Nữ	M27C	Kinh	11/05/2004	Phú Yên	7.1	6.9	7.5	5.7	6.8	TBK
106	2272010033	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	M27C	Kinh	14/08/1998	Khánh Hoà	7.6	7.6	8.2	8.2	7.9	Khá
107	2272010036	Phan Thị	Duyên	Nữ	M27C	Kinh	15/01/2003	Khánh Hoà	7.5	7.0	7.6	7.7	7.4	Khá
108	2272010039	Phạm Thị Hiếu	Giang	Nữ	M27C	Kinh	28/10/2004	Quảng Trị	6.9	7.2	7.9	6.6	7.2	Khá
109	2272010049	Nguyễn Dương Anh	Hào	Nữ	M27C	Kinh	22/10/2004	Ninh Thuận	7.3	7.0	7.9	7.4	7.4	Khá
110	2272010054	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	Nữ	M27C	Kinh	18/03/2004	Khánh Hoà	6.8	7.0	7.6	5.8	6.8	TBK
111	2272010063	Phạm Thị Thanh	Hồng	Nữ	M27C	Kinh	19/02/2004	Quảng Ngãi	7.3	7.0	7.6	5.8	6.9	TBK
112	2272010070	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	M27C	Kinh	03/10/2004	Phú Yên	6.5	6.9	7.6	6.3	6.8	TBK
113	2272010087	Huỳnh Thị Thùy	Lên	Nữ	M27C	Kinh	06/03/2004	Quảng Ngãi	6.7	7.0	7.6	6.8	7.0	Khá
114	2272010090	Lê Thị Kim	Linh	Nữ	M27C	Kinh	12/01/2004	Phú Yên	6.7	6.9	7.3	6.1	6.7	TBK
115	2272010101	Pinăng Thị	Lục	Nữ	M27C	Raglai	27/10/2004	Ninh Thuận	7.5	7.3	7.3	7.1	7.3	Khá
116	2272010104	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	M27C	Kinh	30/08/2004	Phú Yên	6.7	6.8	6.9	6.3	6.7	TBK
117	2272010110	Pinăng Thị	Mẫn	Nữ	M27C	Raglai	19/03/2004	Ninh Thuận	7.2	6.9	7.3	7.0	7.1	Khá
118	2272010119	Huỳnh Thị Bảo	Ngân	Nữ	M27C	Kinh	20/08/2004	Ninh Thuận	6.9	7.0	7.3	6.7	7.0	Khá
119	2272010128	Cao Thị	Nghiệm	Nữ	M27C	Raglai	19/11/2004	Khánh Hoà	7.0	6.7	7.6	6.8	7.0	Khá
120	2272010138	Lê Hoàng Minh	Nguyệt	Nữ	M27C	Kinh	25/10/2004	Khánh Hoà	6.0	7.0	7.3	7.5	7.0	Khá
121	2272010144	Hà Ý	Nhi	Nữ	M27C		02/08/1993		0.0	0.0	0.0	0.0	-	Yếu
122	2272010147	Lê Huỳnh Hồng	Nhi	Nữ	M27C	Kinh	12/04/2004	Bình Định	7.4	6.9	7.3	7.0	7.2	Khá
123	2272010156	Nguyễn Thị Mỹ	Nhi	Nữ	M27C	Kinh	11/01/2004	Khánh Hoà	7.3	7.0	7.9	6.3	7.1	Khá
124	2272010158	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	M27C	Kinh	20/02/2004	Đắk Lắk	7.4	6.9	7.0	7.6	7.2	Khá
125	2272010169	Phan Hà Quỳnh	Như	Nữ	M27C	Kinh	13/11/2004	Ninh Thuận	5.9	6.6	7.0	6.5	6.5	TBK
126	2272010177	Nào Thị Diễm	Phúc	Nữ	M27C	Chăm	11/11/2004	Ninh Thuận	6.9	7.0	8.2	7.5	7.4	Khá
127	2272010179	Nguyễn Ngọc Khánh	Phương	Nữ	M27C	Kinh	12/09/2004	Đắk Lắk	7.6	6.7	7.0	7.7	7.3	Khá
128	2272010187	Hồ Nguyễn Thanh	Quyên	Nữ	M27C	Kinh	31/01/2004	Khánh Hoà	6.5	6.9	7.0	6.4	6.7	TBK
129	2272010194	Phan Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	M27C		13/01/2004		0.0	0.0	0.0	0.0	-	Yếu
130	2272010201	Trần Thị Minh	Thái	Nữ	M27C	Kinh	28/11/2004	Phú Yên	7.6	7.0	7.3	7.5	7.3	Khá
131	2272010202	Đặng Thị	Thắm	Nữ	M27C	Dao	29/09/2004	Đắk Lắk	7.0	7.0	7.9	7.7	7.4	Khá
132	2272010204	Nguyễn Thị Thu	Thân	Nữ	M27C	Kinh	07/06/2004	Phú Yên	7.1	6.9	7.3	7.4	7.2	Khá
133	2272010211	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	Nữ	M27C	Kinh	15/06/2004	Khánh Hoà	6.5	7.0	7.9	7.4	7.2	Khá
134	2272010214	Trần Lê Phương	Thảo	Nữ	M27C	Kinh	23/06/2004	Phú Yên	6.5	6.8	6.4	7.4	6.8	TBK
135	2272010216	Tổng Thị Trung	Thu	Nữ	M27C	Kinh	28/09/2004	Phú Yên	7.1	7.2	7.6	7.4	7.3	Khá
136	2272010222	Phùng Thị	Thúy	Nữ	M27C	Dao	28/11/2004	Bắc Kạn	7.2	6.9	7.6	7.8	7.4	Khá

137	2272010233	Lưu Thị Hương	Trà	Nữ	M27C	Kinh	04/09/2004	Đăk Lăk	7.2	6.9	7.6	7.9	7.4	Khá
138	2272010240	Nguyễn Thanh	Trần	Nữ	M27C	Kinh	02/06/2004	Nha Trang	7.6	7.0	7.3	7.2	7.3	Khá
139	2272010250	Đặng Thị Lan	Trinh	Nữ	M27C	Kinh	11/01/2003	Bình Định	7.4	6.9	7.3	8.0	7.4	Khá
140	2272010254	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	Nữ	M27C	Kinh	03/07/2003	Khánh Hoà	7.1	6.9	7.6	7.5	7.3	Khá
141	2272010260	Trịnh Gia	Trúc	Nữ	M27C	Kinh	10/10/2004	Gia Lai	6.8	6.9	7.8	7.4	7.2	Khá
142	2272010268	Huỳnh Thị Bích	Vân	Nữ	M27C	Kinh	11/04/2004	Phú Yên	7.1	6.8	7.2	6.3	6.8	TBK
143	2272010272	Cao Nguyễn Hà	Vi	Nữ	M27C	Kinh	22/12/2004	Đăk Lăk	7.5	7.3	8.1	7.9	7.7	Khá
144	2272010273	Nguyễn Hồng	Vĩ	Nữ	M27C	Kinh	20/01/2004	Phú Yên	6.9	7.0	8.4	6.5	7.2	Khá
145	2272010278	Lâm Thị Thảo	Vy	Nữ	M27C	Kinh	20/08/2004	Quảng Ngãi	7.3	7.2	7.2	7.6	7.3	Khá
146	2272010282	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	M27C	Kinh	08/10/2003	Khánh Hoà	7.3	7.0	7.2	6.7	7.0	Khá
147	2272010284	Nguyễn Thị	Xinh	Nữ	M27C	Kinh	25/03/2004	Phú Yên	7.5	7.0	7.2	7.8	7.4	Khá
148	2272010285	Cao Thị	Xinh	Nữ	M27C	Raglai	06/12/2003	Khánh Hoà	7	7.0	7.5	7.5	7.2	Khá
SV KHỐI 2									0.0		0.0			Yếu
149	2272010006	Nguyễn T. Nguyệt	Anh	Nữ	M27D	Nùng	01/06/2004	Thái Nguyên	8.09	6.9	8.3	7.6	7.7	Khá
150	2272010014	Nguyễn Lê Minh	Chi	Nữ	M27D	Kinh	09/09/2004	Khánh Hòa	7.3	6.9	7.1	7.5	7.2	Khá
151	2272010021	Lê Hồ Tâm	Đan	Nữ	M27D	Kinh	12/09/2004	Khánh Hoà	7.4	7.8	8.1	8.5	7.9	Khá
152	2272010030	Ng Đặng Phương	Dung	Nữ	M27D	Kinh	09/07/2004	Khánh Hoà	7.7	6.9	8.1	8.1	7.7	Khá
153	2272010035	Nguyễn Thị Kim	Duyên	Nữ	M27D	Kinh	21/01/2004	Gia Lai	7.6	7.0	7.7	6.0	7.1	Khá
154	2272010040	Lộ Thị Mỹ Thu	Hà	Nữ	M27D	Chăm	22/09/2003	Ninh Thuận	7.2	7.3	7.7	6.8	7.2	Khá
155	2272010294	Nguyễn Thị Thanh	Hải	Nữ	M27D		06/11/2002		0.0	0.0	0.0	0.0	-	Yếu
156	2272010050	Kator Thị	Hào	Nữ	M27D	Raglai	10/06/2004	Ninh Thuận	6.8	7.0	7.5	6.5	7.0	Khá
157	2272010055	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	M27D	Kinh	31/12/2003	Khánh Hòa	8.0	6.9	7.7	5.8	7.1	Khá
158	2272010064	Quảng Thanh Bạch	Huệ	Nữ	M27D	Chăm	17/01/2004	Ninh Thuận	6.8	6.9	6.8	6.3	6.7	TBK
159	2272010072	Hồ Hoàng Ngọc	Huỳnh	Nữ	M27D	Kinh	09/05/2004	Khánh Hoà	7.0	6.9	7.0	5.9	6.7	TBK
160	2272010079	Lê Đặng Thanh	Lam	Nữ	M27D	Kinh	06/07/2004	Khánh Hòa	7.6	7.3	6.6	7.4	7.2	Khá
161	2272010081	Võ Thị Kim	Lắm	Nữ	M27D	Kinh	09/01/2004	Phú Yên	7.7	6.9	7.2	7.6	7.4	Khá
162	2272010082	Mai Thị Thu	Lan	Nữ	M27D	Kinh	27/08/1999	Gia Lai	7.0	6.8	6.7	6.5	6.8	TBK
163	2272010093	Phạm Trần Phương	Linh	Nữ	M27D	Kinh	29/04/2004	Khánh Hòa	7.3	6.9	7.3	7.1	7.1	Khá
164	2272010096	Lê Thị Bích	Lộc	Nữ	M27D	Kinh	06/02/2004	Khánh Hòa	7.4	6.9	7.3	6.5	7.1	Khá
165	2272010097	Nguyễn Thị Phước	Lộc	Nữ	M27D	Kinh	12/04/2002	Khánh Hòa	7.2	7.0	7.6	6.7	7.1	Khá
166	2272010102	Nguyễn Thị Ánh	Luý	Nữ	M27D	Kinh	29/10/2004	Phú Yên	6.3	6.8	7.9	6.3	6.8	TBK
167	2272010111	H Duyên H	Mỗk	Nữ	M27D	Mnông	15/06/2004	Đăk Lăk.	7.6	7.5	7.6	7.1	7.4	Khá
168	2272010115	Nguyễn Phan Huyền	My	Nữ	M27D	Kinh	30/11/2001	Gia Lai	7.7	7.0	7.8	5.9	7.1	Khá
169	2272010120	Lê Thị Thu	Ngân	Nữ	M27D	Kinh	24/06/2004	Khánh Hòa	7.5	7.5	7.8	7.1	7.5	Khá
170	2272010129	Đặng Bảo	Ngọc	Nữ	M27D	Kinh	03/10/2004	Khánh Hòa	7.7	6.9	7.8	5.9	7.1	Khá

171	2272010130	Đoàn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	M27D	Kinh	05/09/2004	Khánh Hòa	7.0	7.0	7.5	8.2	7.4	Khá
172	2272010131	Huỳnh Kim	Ngọc	Nữ	M27D	Kinh	23/03/2002	Khánh Hòa	7.5	6.9	8.1	7.7	7.5	Khá
173	2272010137	Chamaléa Thị	Nguyệt	Nữ	M27D	Raglai	28/02/2004	Ninh Thuận	7.2	7.3	8.1	6.5	7.3	Khá
174	2272010140	Pinăng Thị	Nguyệt	Nữ	M27D	Raglai	10/11/2004	Ninh Thuận	7.3	7.3	7.8	7.6	7.5	Khá
175	2272010148	Lê Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	M27D	Kinh	18/08/2004	Khánh Hòa	7.3	6.9	7.8	6.1	7.0	Khá
176	2272010150	Mầu Thị	Nhi	Nữ	M27D	Raglai	12/11/2004	Ninh Thuận	7.3	7.2	7.8	5.9	7.0	Khá
177	2272010159	Phạm Thị Tuyết	Nhi	Nữ	M27D	Kinh	14/05/2004	Phú Yên	7.1	7.2	7.9	7.3	7.4	Khá
178	2272010170	Võ Thị Quỳnh	Như	Nữ	M27D	Kinh	08/06/2004	Quảng Bình	7.3	7.0	7.8	7.7	7.4	Khá
179	2272010188	Phạm Bích	Quyên	Nữ	M27D	Kinh	22/03/2004	Phú Yên	6.8	7.0	7.7	7.9	7.3	Khá
180	2272010195	Thân Như	Quỳnh	Nữ	M27D	Kinh	09/07/2004	Bình Định	7.8	7.0	6.8	7.9	7.4	Khá
181	2272010203	Phùng Thị	Thắm	Nữ	M27D	Nùng	21/08/2004	Đắk Lắk	7.2	7.0	7.5	7.2	7.2	Khá
182	2272010212	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	M27D	Kinh	03/09/2004	Khánh Hòa	6.9	7.3	7.1	6.0	6.8	TBK
183	2272010215	Nguyễn Vũ Anh	Thơ	Nữ	M27D	Kinh	14/01/2004	Khánh Hòa	7.1	6.9	7.4	7.5	7.2	Khá
184	2272010223	Đặng Kim	Thùy	Nữ	M27D	Kinh	24/03/2004	Khánh Hòa	8.0	7.0	7.1	6.5	7.2	Khá
185	2272010235	Bùi Ngô Mai	Trâm	Nữ	M27D	Kinh	24/11/2003	Khánh Hòa	7.7	6.9	7.1	8.2	7.5	Khá
186	2272010242	Trần Ngọc Bảo	Trân	Nữ	M27D	Kinh	26/03/2004	Ninh Thuận	6.4	6.9	7.4	6.4	6.8	TBK
188	2272010251	Kator Thị	Trình	Nữ	M27D	Raglai	10/10/2004	Ninh Thuận	6.7	6.9	6.8	6.0	6.6	TBK
189	2272010257	Nguyễn Huỳnh Nhật	Trúc	Nữ	M27D	Kinh	02/07/2004	Khánh Hòa	7.5	6.9	7.4	7.3	7.3	Khá
190	2272010261	Nguyễn Thị Thanh	Tú	Nữ	M27D	Kinh	14/12/2004	Khánh Hòa	7.3	6.9	7.1	6.1	6.9	TBK
191	2272010267	Nguyễn Thị Kim	Uyên	Nữ	M27D	Kinh	21/01/2004	Gia Lai	7.3	6.9	7.7	7.6	7.4	Khá
192	2272010274	Huỳnh Thị Khánh	Vinh	Nữ	M27D	Kinh	14/12/2004	Phú Yên	7.1	6.9	7.7	6.8	7.1	Khá
193	2272010277	Huỳnh Thị Mộng	Vy	Nữ	M27D	Kinh	27/06/2003	Phú Yên	7.7	6.9	7.9	7.8	7.6	Khá
194	2272010286	Trương Thanh	Xuân	Nữ	M27D	Kinh	15/01/2004	Khánh Hòa	7.6	7.0	8.3	7.4	7.6	Khá
195	2272010007	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	M27E	Kinh	17/10/2004	Đắk Lắk	6.1	6.6	8.6	7.7	7.2	Khá
196	2272010015	Nguyễn Thị Thu	Chi	Nữ	M27E	Kinh	01/05/2004	Khánh Hòa	7.6	6.9	7.7	7.4	7.4	Khá
197	2272010016	Phan Bình Phương	Chi	Nữ	M27E	Kinh	21/03/2004	Phú Yên	7.2	7.2	8.2	7.2	7.5	Khá
198	2272010023	Huỳnh Thị Thúy	Diễm	Nữ	M27E	Kinh	01/09/2004	Bình Định	6.7	6.9	7.7	7.1	7.1	Khá
199	2272010031	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	M27E	Kinh	01/05/2004	Khánh Hòa	7.0	6.9	7.8	7.4	7.3	Khá
200	2272010032	Trần Thị Mỹ	Dung	Nữ	M27E	Kinh	03/06/2002	Ninh Thuận	7.4	6.8	7.5	5.9	6.9	TBK
201	2272010044	Lê Thị Thu	Hải	Nữ	M27E	Kinh	20/05/2004	Đắk Lắk	7.8	7.2	8.1	6.1	7.3	Khá
202	2272010051	Ngô Thị Hồng	Hậu	Nữ	M27E	Kinh	29/02/2004	Khánh Hòa	7.1	6.9	7.8	7.4	7.3	Khá
203	2272010074	Rơ Măh	Khá	Nữ	M27E	Jrai	01/06/2004	Gia Lai	7.3	7.0	7.2	6.3	6.9	TBK
204	2272010083	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	Nữ	M27E	Kinh	19/05/2003	Phú Yên	7.1	7.2	7.2	5.8	6.8	TBK
205	2272010095	Lê Thị Kiều	Loan	Nữ	M27E	Kinh	12/11/2004	Khánh Hòa	7.0	7.0	8.1	7.7	7.4	Khá
206	2272010103	Lê Thị Mỹ	Ly	Nữ	M27E	Kinh	13/08/2003	Khánh Hòa	7.4	6.9	7.5	6.8	7.2	Khá
207	2272010105	Lê Hải	Lý	Nữ	M27E	Kinh	15/10/2004	Quảng Bình	7.7	7.6	6.7	8.0	7.5	Khá

208	2272010112	Hồ My	Nữ	M27E	Hà Roi	22;12;2003	Phú Yên	7.1	7.0	7.5	7.6	7.3	Khá
209	2272010113	Lê Trần Thị Diễm My	Nữ	M27E	Kinh	10;03;2004	Khánh Hòa	7.5	7.0	7.7	8.0	7.6	Khá
210	2272010121	Lý Thị Trúc Ngân	Nữ	M27E	Kinh	05;11;2004		6.8	7.2	7.7	7.5	7.3	Khá
211	2272010132	Kator Thị Ngọc	Nữ	M27E	Raglai	30;03;2004	Ninh Thuận	7.4	6.9	6.8	5.9	6.7	TBK
212	2272010139	Phạm Thị Ánh Nguyệt	Nữ	M27E	Kinh	28;06;2004	Phú Yên	7.1	6.8	7.4	7.0	7.1	Khá
213	2272010141	Cao Thị Thanh Nhân	Nữ	M27E	Raglay	01;09;2004	Khánh Hòa	7.1	7.2	7.7	7.1	7.3	Khá
214	2272010146	Hồ Thị Yến Nhi	Nữ	M27E	Kinh	14;05;2002	Ninh Thuận	7.0	7.0	7.7	7.6	7.3	Khá
215	2272010149	Lương Thị Quỳnh Nhi	Nữ	M27E	Kinh	17;02;2004	Quảng Trị	7.7	7.0	7.7	6.6	7.3	Khá
216	2272010161	Trần Ngọc Nhi	Nữ	M27E	Kinh	18;12;2004	Khánh Hòa	7.0	7.0	7.4	7.2	7.2	Khá
217	2272010163	Nguyễn Thị Lê Nhiên	Nữ	M27E	Kinh	08;06;2003	Phú Yên	7.2	6.9	7.7	6.1	6.9	TBK
218	2272010171	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	M27E	Kinh	06;04;2004	Đắk Lắk	7.2	6.9	7.7	6.5	7.1	Khá
219	2272010175	Tạ Yên Thị Pháp	Nữ	M27E	Raclay	07;05;2004	Ninh Thuận	7.6	7.0	7.8	6.5	7.2	Khá
220	2272010178	Phan Hoài Phúc	Nữ	M27E	Kinh	11;08;2004	Khánh Hòa	6.7	6.9	7.5	7.6	7.2	Khá
221	2272010180	Nguyễn Thị Phương	Nữ	M27E	Kinh	19;09;2004	Phú Yên	7.9	7.3	7.8	7.6	7.6	Khá
222	2272010181	Trần Thu Phương	Nữ	M27E	Kinh	31;03;2004	Khánh Hòa	6.9	6.9	7.8	6.9	7.1	Khá
223	2272010189	Trần Ngọc Quyên	Nữ	M27E	Kinh	04;03;2004	Khánh Hòa	7.1	7.3	7.8	7.6	7.4	Khá
224	2272010197	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	M27E	Kinh	10;09;2004	Khánh Hòa	8.1	7.5	8.1	7.6	7.8	Khá
225	2272010205	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	M27E	Kinh	29;06;2004	Khánh Hòa	7.3	7.0	7.8	6.8	7.2	Khá
226	2272010206	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	Nữ	M27E	Kinh	11;05;2004	Khánh Hòa	7.3	7.3	7.5	6.8	7.2	Khá
227	2272010213	Phạm Ngọc Phương Thảo	Nữ	M27E	Kinh	14;10;2004	Khánh Hòa	7.5	7.0	7.8	8.2	7.6	Khá
228	2272010217	Nguyễn Anh Thư	Nữ	M27E	Kinh	20;07;2004	Phú Yên	8.0	7.0	7.5	6.4	7.2	Khá
229	2272010226	Nguyễn Nguyễn Thùy	Nữ	M27E	Kinh	20;03;2004	Khánh Hòa	7.3	6.9	7.7	7.2	7.2	Khá
230	2272010229	Lê Bích Thủy	Nữ	M27E	Ê đê	29;06;2003	Phú Yên	6.9	7.0	7.7	7.6	7.3	Khá
231	2272010234	Đinh Thị Tram	Nữ	M27E	Bana	01;10;2004	Gia Lai	7.6	6.9	7.7	7.4	7.4	Khá
232	2272010236	Hồ Thị Ngọc Trâm	Nữ	M27E	Kinh	18;07;2004	Khánh Hòa	7.6	7.5	7.5	7.5	7.5	Khá
233	2272010243	Võ Thị Huyền Trân	Nữ	M27E	Kinh	19;09;2004	Khánh Hòa	7.2	7.3	7.7	7.0	7.3	Khá
234	2272010246	Nguyễn Thị Mỹ Trang	Nữ	M27E	Kinh	03;01;2004	Phú Yên	8.0	7.0	7.7	6.3	7.2	Khá
235	2272010252	Nguyễn Huyền Trinh	Nữ	M27E	Kinh	26;03;2004	Phú Yên	7.9	7.0	7.4	7.5	7.4	Khá
236	2272010262	Lê Thị Kim Tuyết	Nữ	M27E	Kinh	09;09;2004	Phú Yên	7.3	7.0	7.7	7.6	7.4	Khá
237	2272010279	Lê Nữ Tường Vy	Nữ	M27E	Kinh	02;05;2004	Phú Yên	7.3	6.8	8.1	6.8	7.3	Khá
238	2272010280	Ngô Thị Tường Vy	Nữ	M27E	Kinh	04;06;2004	Khánh Hòa	7.0	6.9	7.5	7.5	7.2	Khá
239	2272010287	Quảng Thị Như Ý	Nữ	M27E	Chăm	28;01;2004	Ninh Thuận	7.2	6.9	7.1	6.3	6.9	TBK
240	2272010289	Phan Ngọc Bảo Yên	Nữ	M27E	Kinh	20;10;2004	Khánh Hòa	6.9	6.6	7.7	8.3	7.4	Khá
241	2272010009	Lơ Mu Le Bi	Nữ	M27G	Chill	18;09;2004	Lâm Đồng	7.5	6.9	7.7	7.9	7.5	Khá
242	2272010010	Hà Ngọc Bích	Nữ	M27G	Kinh	18;06;2004	Khánh Hoà	7.6	7.5	7.7	7.7	7.6	Khá
243	2272010012	Lê Thị Băng Châu	Nữ	M27G	Kinh	10;05;2003	Khánh Hoà	7.3	7.3	7.7	7.1	7.3	Khá

244	2272010017	Trần Linh	Chi	Nữ	M27G	Kinh	15/08;2004	Quảng Trị	6.8	6.9	7.4	7.0	7.0	Khá
245	2272010024	Lê Thị	Diễm	Nữ	M27G	Kinh	15/03;2004	Khánh Hòa	7.1	7.0	7.4	7.2	7.2	Khá
246	2272010034	Nguyễn Huân Mỹ	Duyên	Nữ	M27G	Kinh	10/07;2004	Phú Yên	6.9	6.9	7.7	6.1	6.9	TBK
247	2272010041	Phan Thị Thu	Hà	Nữ	M27G	Kinh	28/01;2004	Đắk Lắk	6.6	6.8	7.4	7.3	7.0	Khá
248	2272010046	Phạm Mỹ	Hằng	Nữ	M27G	Kinh	05/10;2004	Khánh Hòa	7.5	7.0	7.7	6.3	7.1	Khá
249	2272010053	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	M27G	Chăm	01/03;2004	Ninh Thuận	7.0	6.9	7.4	7.3	7.2	Khá
250	2272010056	Cao Thị Kim	Hoa	Nữ	M27G	Raglai	19/07;2003	Khánh Hòa	7.4	7.2	7.4	7.7	7.4	Khá
251	2272010059	Trương Thị Mỹ	Hoa	Nữ	M27G	Kinh	21/11;2002	Gia Lai	7.4	6.9	7.7	7.4	7.4	Khá
252	2272010066	Chamaléa Thị	Hương	Nữ	M27G	Raglay	02/03;2004	Ninh Thuận	7.2	7.6	7.7	6.1	7.2	Khá
253	2272010067	Ngô Thị Mỹ	Hương	Nữ	M27G	Kinh	13/11;2004	Khánh Hòa	8.1	6.8	7.7	7.3	7.5	Khá
254	2272010073	Phan Tú Trân	Hwing	Nữ	M27G	Ê Đê	13/04;2003	Đắk Lắk	7.3	7.0	8.2	7.1	7.4	Khá
255	2272010075	Đinh Thị	Khoái	Nữ	M27G	Bana	21/04;2004	Gia Lai	7.3	7.2	7.7	7.9	7.5	Khá
256	2272010084	Vũ Thị	Lan	Nữ	M27G	Kinh	02/10;2004	Đắk Lắk	7.5	7.0	7.7	7.7	7.5	Khá
257	2272010088	Bùi Gia	Linh	Nữ	M27G	Kinh	18/03;2004	Khánh Hòa	7.2	7.6	7.7	8.0	7.6	Khá
258	2272010089	Kpă H'	Linh	Nữ	M27G	Jrai	23/05;2003	Gia Lai	6.8	7.0	7.4	7.1	7.1	Khá
259	2272010091	Nguyễn Hoài Thùy	Linh	Nữ	M27G	Kinh	25/06;2004	Khánh Hòa	7.4	6.9	7.6	7.6	7.4	Khá
260	2272010106	Liêng Hót K'	Lý	Nữ	M27G	Chil	13/08;2004	Lâm Đồng	7.1	7.0	7.3	7.8	7.3	Khá
261	2272010109	Nguyễn Thị Phương	Mai	Nữ	M27G	Kinh	29/04;2003	Khánh Hòa	7.0	7.0	7.6	7.1	7.2	Khá
262	2272010114	Nguyễn Ngọc Trà	My	Nữ	M27G	Kinh	30/06;2004	Đắk Lắk	7.2	6.9	7.6	7.4	7.3	Khá
263	2272010124	Phú Bảo	Ngân	Nữ	M27G	Chăm	21/11;2004	Ninh Thuận	7.0	6.9	7.3	7.3	7.2	Khá
264	2272010134	Mai Thảo	Nguyên	Nữ	M27G	Kinh	12/01;2004	Ninh Thuận	7.2	7.0	7.3	7.0	7.1	Khá
265	2272010136	Võ Thị Trinh	Nguyên	Nữ	M27G	Kinh	01/05;2004	Khánh Hòa	7.7	7.5	7.3	7.3	7.5	Khá
266	2272010142	Pinăng Thị	Nhánh	Nữ	M27G	Raglay	09/05;2004	Ninh Thuận	6.4	6.9	7.6	7.0	7.0	Khá
267	2272010151	Nguyễn Hoài Yến	Nhi	Nữ	M27G	Kinh	01/10;2004	Khánh Hòa	7.1	7.0	7.3	5.8	6.8	TBK
268	2272010154	Nguyễn Thị Bích	Nhi	Nữ	M27G	Kinh	05/08;2004	Phú Yên	7.2	6.9	7.3	7.7	7.3	Khá
269	2272010157	Nguyễn Thị Thúy	Nhi	Nữ	M27G	Kinh	19/07;2003	Khánh Hòa	8.0	7.0	7.3	7.4	7.4	Khá
270	2272010160	Rô H'	Nhi	Nữ	M27G	Jrai	31/03;2004	Gia Lai	6.7	6.9	7.3	6.8	6.9	TBK
271	2272010162	Siu H'	Nhiêm	Nữ	M27G	Jrai	27/09;2004	Gia Lai	6.7	7.0	7.3	6.1	6.8	TBK
272	2272010164	Huỳnh Ái	Như	Nữ	M27G	Kinh	28/04;2004	Phú Yên	7.5	7.0	7.3	5.8	6.9	TBK
273	2272010167	Lương Quỳnh	Như	Nữ	M27G	Kinh	09/06;2004	Khánh Hòa	6.9	7.2	7.6	7.2	7.2	Khá
274	2272010173	Nguyễn Tô Kiều	Oanh	Nữ	M27G	Kinh	01/10;2004	Khánh Hòa	7.4	7.0	7.5	7.7	7.4	Khá
275	2272010185	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	M27G	Kinh	26/04;2004	Khánh Hòa	6.6	7.3	7.5	7.6	7.2	Khá
276	2272010190	Lê Ngọc Diễm	Quỳnh	Nữ	M27G	Kinh	10/02;2004	Khánh Hòa	7.7	7.2	7.6	7.6	7.5	Khá
277	2272010198	Pinăng Thị Bé	Sen	Nữ	M27G	Raglai	31/07;2002	Ninh Thuận	7.6	7.3	7.0	6.4	7.1	Khá
278	2272010207	Trần Thị Thu	Thanh	Nữ	M27G	Kinh	04/12;2004	Khánh Hòa	7.5	7.2	7.3	7.7	7.4	Khá
279	2272010218	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	M27G	Kinh	09/04;2004	Phú Yên	7.8	7.2	7.5	7.3	7.5	Khá

280	2272010227	Trương Ngọc Thùy	Nữ	M27G	Kinh	30;01;2004	Phú Yên	6.8	6.9	7.7	7.1	7.1	Khá
281	2272010230	Lê Lâm Tiên	Nữ	M27G	Kinh	20;11;2003	Phú Yên	7.2	7.0	8.1	7.4	7.4	Khá
282	2272010237	Nguyễn Xuân Trâm	Nữ	M27G	Kinh	07;09;2003	Khánh Hòa	7.3	6.9	8.1	7.6	7.5	Khá
283	2272010241	Nguyễn Thị Ngọc Trân	Nữ	M27G	Kinh	07;12;2004	Khánh Hòa	6.8	6.9	7.4	5.9	6.7	TBK
284	2272010244	Cù Thị Kiều Trang	Nữ	M27G	Kinh	12;12;2004	Đắk Lắk	7.9	6.9	7.7	6.8	7.3	Khá
285	2272010248	Trần Nguyễn Khánh Trang	Nữ	M27G	Kinh	09;01;2004	Quảng Trị	7.3	7.0	7.4	7.0	7.2	Khá
286	2272010263	Phan Thị Như Tuyết	Nữ	M27G	Kinh	08;10;2004	Ninh Thuận	7.6	6.7	7.4	5.9	6.9	TBK
287	2272010264	Đồng Thị Thanh Uyên	Nữ	M27G	Chăm	16;04;2004	Ninh Thuận	7.0	7.2	7.4	6.5	7.0	Khá
288	2272010276	Dương Triệu Vy	Nữ	M27G	Kinh	21;09;2004	Khánh Hoà	7.0	6.9	7.1	6.2	6.8	TBK
289	2272010288	Trần Thị Như Ý	Nữ	M27G	Kinh	28;06;2004	Ninh Thuận	7.4	7.0	7.7	6.1	7.1	Khá
290		Nguyễn Thị Kim Huệ						7.5	7.0	8.3	7.9	7.7	Khá